

Bản án số: 89/2026/HNGĐ-ST.

Ngày: 12/5/2026.

Về việc: Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn An**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Hoa

Ông Nguyễn Văn Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 – An Giang

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – An Giang tham gia phiên tòa:* Không.

Ngày 12 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 – An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 162/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2026 về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2026/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Hồng G**, sinh năm 1995. Địa chỉ: **tổ F, ấp H, xã H, tỉnh An Giang** (Vắng mặt - Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1994. Địa chỉ: **tổ F, ấp H, xã H, tỉnh An Giang** (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Lê Thị Hồng G** trình bày như sau:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị **Lê Thị Hồng G** và anh **Nguyễn Văn P** sau thời gian tự tìm hiểu thì quyết định về chung sống với nhau từ năm 2011, anh chị không tổ chức đám cưới. Sống với nhau đến năm 2014 thì anh chị mới thực hiện việc đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang** vào ngày 22/12/2014.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau 02 người con chung, tuy nhiên sau đó được vài năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, trầm trọng nhất là từ hơn 1 năm nay giữa anh chị thường xuyên xảy ra cự cãi, bất hòa, nguyên nhân là do anh **P** ít quan tâm đến gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh **P** bỏ đi làm không về nhà nên vợ chồng cũng sống ly thân với nhau. Trong thời gian ly thân chị **G** cũng có vài lần hàn gắn nhưng không có kết quả vì anh **P** cũng muốn ly hôn. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng, hôn nhân không hạnh phúc nên chị **Lê Thị Hồng G** yêu cầu được ly hôn với anh **Nguyễn Văn P**.

- *Về con chung*: Chị **Lê Thị Hồng G** và anh **P** có với nhau 02 người con chung tên **Nguyễn Thị Hồng P1**, sinh ngày 05/4/2013 và **Nguyễn Khánh D**, sinh ngày 20/5/2017. Ly hôn chị **G** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu **P1** và **D** đến tuổi trưởng thành vì hiện các con do chị chăm sóc, nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh **P** phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị **Lê Thị Hồng G** xác định chị và anh **P** không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* **Bị đơn anh Nguyễn Văn P**: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh **P** hợp lệ, tuy nhiên đến nay anh **P** vẫn vắng mặt, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh **P** đối với yêu cầu khởi kiện của chị **Lê Thị Hồng G**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Theo nội dung đơn khởi kiện chị **Lê Thị Hồng G** yêu cầu được ly hôn và nuôi con với anh **Nguyễn Văn P**. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh **Nguyễn Văn P** có nơi cư trú tại **ấp H, xã H, tỉnh An Giang** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị **Lê Thị Hồng G** có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn anh **Nguyễn Văn P** đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử (HĐXX) quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án*:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của chị **G** trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX có cơ sở xác định:

Chị **Lê Thị Hồng G** và anh **Nguyễn Văn P** kết hôn với nhau là do tự tìm hiểu, yêu thương, anh chị không tổ chức lễ nhưng có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang (nay là UBND xã H, tỉnh An Giang) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 175, quyển số 01/2014 ngày 22/12/2014. Như vậy, hôn nhân giữa chị **Lê Thị Hồng G** và anh **Nguyễn Văn P** là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của nguyên đơn chị **Lê Thị Hồng G** về việc yêu cầu được ly hôn với anh **Nguyễn Văn P** thấy rằng: Trong quá trình chung sống giữa chị **G** và anh **P** có phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cự cãi, bất hòa, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không hòa hợp. Mâu thuẫn trầm trọng hơn và không hòa giải được nên anh chị đã sống ly thân với nhau. Trong thời gian ly thân, chị **G** có hàn gắn nhưng không thành, từ đó chị và anh **P** không còn liên lạc, không còn quan tâm, chăm sóc nhau cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án, tiến hành giải thích pháp luật và động viên chị **G** đoàn tụ gia đình, nhưng chị **G** vẫn kiên quyết ly hôn với anh **P**. Đồng thời Tòa án cũng tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh **P** nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt và không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, điều này chứng tỏ anh **P** cũng không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị **G**.

Từ đó cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị **G** và anh **P** đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị **Lê Thị Hồng G** yêu cầu được ly hôn với anh **Nguyễn Văn P** là có cơ sở để được HĐXX chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] *Về quan hệ con chung*: Chị **Lê Thị Hồng G** xác định chị và anh **P** có 02 người con chung tên **Nguyễn Thị Hồng P1**, sinh ngày 05/4/2013 và **Nguyễn Khánh D**, sinh ngày 20/5/2017. Hiện các con chung do chị **G** chăm sóc nuôi dưỡng. Ly hôn chị **G** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con đến tuổi trưởng thành.

Xét yêu cầu nuôi con của chị **G**, HĐXX nhận thấy: Hiện cháu **Nguyễn Thị Hồng P1** và **Nguyễn Khánh D** đang sống cùng chị **G**, các con được học tập, vui chơi đầy đủ và vẫn phát triển bình thường. Vì vậy, để đảm bảo ổn định cuộc sống và nhằm giúp các con phát triển tốt về mọi mặt, nên cần tiếp tục giao cháu **P1** và cháu **D** cho chị **G** tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, việc này cũng phù hợp với nguyện vọng của các con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị **Lê Thị Hồng G** xác định đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu anh **P** phải cấp dưỡng nuôi con chung do đó HĐXX không xem xét.

[3.3] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Chị **Lê Thị Hồng G** xác định chị và anh **P** không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] *Về án phí*: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị **Lê Thị Hồng G** phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025.

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị **Lê Thị Hồng G** được ly hôn với anh **Nguyễn Văn P**.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên **Nguyễn Thị Hồng P1**, sinh ngày 05/4/2013 và **Nguyễn Khánh D**, sinh ngày 20/5/2017 cho chị **Lê Thị Hồng G** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian chị **Lê Thị Hồng G**; anh **Nguyễn Văn P** nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Không xem xét.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Buộc chị **Lê Thị Hồng G** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 302737 ngày 11 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy, chị **Lê Thị Hồng G** không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 4 – An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã Hòn Đất, tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn An